

trong một tư thế nhất định. Nếu phải đặt câu hỏi cho các câu trên thì chúng ta có thể có các loại câu hỏi sau đây:

- (a') Tranh treo chưa?
- (b') Bức tranh treo ở đâu?
- (c') Trên tường treo cái gì

Câu (a') hỏi về sự hoàn thành hay chưa hoàn thành của cái hành động tạo nên trạng thái mới cho bức tranh, hay trạng thái mới của bức tranh đã được tạo ra chưa (do kết quả của hành động). Câu (b') hỏi về vị trí của trạng thái mới mà bức tranh đã nhận được sau khi hành động kết thúc. Câu (c') hỏi về sự tồn tại một tư thế của một chủ thể chưa biết ở trên tường. Ba câu hỏi có nội dung ngữ pháp hoàn toàn khác nhau chứng tỏ trong chúng không có câu nào có ý nghĩa ngữ pháp hoàn toàn giống nhau (Sđd, tr.140-141).

11. Công trình “Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt” có giá trị to lớn không chỉ bó hẹp trong phạm vi ngôn ngữ học tiếng Việt. Công trình cũng không chỉ

TÁC GIẢ-TÁC PHẨM

làm vẻ vang cho tác giả Diệp Quang Ban. Nó là niềm tự hào của giới Việt ngữ học nói chung - nhất là cho giới Việt ngữ học những năm tháng đầy gian khổ của suốt cả một thời 30 năm đã qua.

12. Để kết thúc bài viết này và để tỏ rõ lòng kính trọng Ông cả về sự khiêm nhường, tôi xin dẫn ra đây những dòng kết thúc trong cuốn sách Diệp Quang Ban:

“Chuyên luận này chỉ là những bước đi dò dẫm ban đầu trên con đường dài dằng dặc đó. Chúng tôi không quan niệm công cuộc khảo sát này như một sự kiện làm rút ngắn khoảng cách ấy một cách đáng kể. Tuy nhiên, “điều quan trọng không phải là ở khoảng cách sẽ phải vượt qua, mà đúng hơn là việc lựa chọn một hướng đi đúng” (Sđd, tr.168).

13. GS.TS Diệp Quang Ban về sau còn cho xuất bản nhiều công trình khác nữa, nhưng chỉ với công trình được Giải thưởng Nhà nước đợt 2010 này, Ông đã xứng đáng là nhà khoa học đầy kiêu hãnh của suốt một chuỗi ngày đầy gian khổ của 30 năm đã qua.

VỀ TÁC PHẨM “NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT” CỦA GS. ĐOÀN THIỆN THUẬT

(công trình khoa học được nhận Giải thưởng Nhà nước năm 2010)

Nguyễn Văn Lợi

(GS.TS, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam)

LTS. GS.TS Đoàn Thiện Thuật được nhận Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ 2010 về Ngôn ngữ học. GS.TS Nguyễn Văn Lợi viết bài này để giới thiệu công trình của GS.TS Đoàn Thiện Thuật cho Hội đồng Nhà nước cấp Liên ngành. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống trân trọng giới thiệu bài viết này cùng độc giả.

1. Sách **Ngữ âm tiếng Việt** (NÁTV) của tác giả Đoàn Thiện Thuật (Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977) dày 373 trang, chia thành 8 chương. Ngoài chương 1: Dẫn luận, chương 8: Chữ viết, 6 chương còn lại dành cho việc miêu tả cấu trúc âm vị học của tiếng Việt: Âm tiết (chương 2); Thanh điệu (chương 3); Âm đầu (chương 4); Âm đệm (chương 5); Âm chính (chương 6); Âm cuối (chương 7).

Trong Lời nói đầu, tác giả xem sách NÁTV là “tập giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học của trường Đại học Tổng hợp và cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên khoa Văn các trường Đại học Sư phạm, sinh viên các trường Đại học Ngoại ngữ và những ai muốn tìm hiểu sâu một vấn đề nào đó của ngữ âm tiếng Việt”. Chúng ta nhận ra tính chất giáo khoa, sự phạm của sách được thể hiện ở lối lập luận logic, chặt chẽ, ở cách trình bày chi tiết đến “chín chu” và thuyết phục trong sách. Về thực chất, NÁTV là một công trình nghiên cứu khoa học có những đóng góp mới cho lí luận và áp dụng thực tiễn về ngữ âm tiếng Việt.

2. Giá trị khoa học của NÁTV

2.1. Công trình NÁTV đã áp dụng một cách khoa học những cơ sở lí thuyết và phương pháp miêu tả ngữ âm - âm vị học của âm vị học truyền thống (N.S. Trubeskoj, R. Jakobson, A. Martinet, J Vachek...) vào việc miêu tả các hiện tượng ngữ âm - âm vị học tiếng Việt, vốn là ngôn ngữ còn xa lạ với truyền thống nghiên cứu âm vị học châu Âu. Đồng thời, NÁTV đã tiếp thu những thành tựu về lí luận và phương pháp nghiên cứu

ngữ âm các ngôn ngữ Đông phương của các tác giả thuộc trường phái Đông phương học Nga - Xô Viết vào việc nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt.

2.2. Công trình NÂTV có những đóng góp mới

i. Xuất phát từ đặc điểm tiếng Việt (ranh giới âm tiết trùng với ranh giới hình vị), tác giả xem âm tiết là điểm xuất phát của sự phân tích âm vị học.

ii. Để giải quyết những vấn đề âm vị học tiếng Việt, tác giả coi trọng thái độ của người bản ngữ, chứ không chỉ dựa vào những cứ liệu ngữ âm. Tác giả đã xem cách cấu tạo từ láy, hiện tượng lấy từ, nối lái như các quy tắc hình - âm vị học (morphophonology - vốn được áp dụng trong nghiên cứu âm vị học các ngôn ngữ biến hình), để phân chia âm tiết thành các thành tố.

iii. Xác lập mô hình phân chia 2 bậc, 5 thành tố của âm tiết tiếng Việt:

Bậc 1: Âm tiết = âm đầu+vần+thanh điệu;

Bậc 2: Vần = âm nối+âm chính+âm cuối

iv. Mỗi thành phần trong 5 thành phần trên làm thành một đối hệ. Trong một đối hệ có sự đối lập âm vị zero / âm vị khác (Ví dụ: âm vị zero đối lập với âm vị /w /trong đối hệ âm nối). Do sự khác biệt giữa đối hệ âm đầu và đối hệ âm cuối, nên phụ âm đầu và phụ âm cuối là 2 hệ thống âm vị biệt lập (ví dụ âm vị phụ âm đầu /t/ trong *ta* và âm vị phụ âm cuối /t/ trong *át*).

2.3. NÂTV đã tổng kết những kết quả nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt trong và ngoài nước (cho đến thập kỉ 80 của thế kỉ XX). Đó là những tri thức, những kết quả phân tích, miêu tả ngữ âm tiếng Việt trong:

- Thi pháp truyền thống (hiệp vần, luật bằng trắc trong thơ ca).
- Sự sáng tạo chữ Quốc ngữ của các cố đạo phương Tây ở thế kỉ XVII
- Các công trình về ngữ âm tiếng Việt của các học giả người Pháp ở nửa đầu thế kỉ XX (như M.B. Grammont, L. Cadriere, A. Cheon, A.G. Haudricourt. ...), các nhà Việt ngữ học Xô Viết (N.Đ Andreev, M.V. Gordina, T.T. Mkhitarjan. ...), các chuyên gia tiếng Việt của Mĩ (M. B. Emeneau, L.C. Thompson, R. B. Jones)
- Các công trình có liên quan đến ngữ âm tiếng Việt của các tác giả người Việt Nam (Phan Khôi, Lê Văn Lý, Đào Duy Anh, Nguyễn Đình Hòa, Hoàng Tuệ, Nguyễn Phan Cảnh, Nguyễn Hàm Dương, Nguyễn Quang Hồng, Cao Xuân Hạo...).

Ở lĩnh vực này, công trình NÂTV đã đạt được các thành tựu:

i. Lần đầu tiên miêu tả một cách tương đối đầy đủ, hệ thống cơ cấu ngữ âm tiếng Việt: cấu trúc âm tiết, hệ thống thanh điệu, hệ thống âm đầu, hệ thống vần, chữ viết.

ii. Đưa ra cách quan niệm riêng của tác giả về một số vấn đề ngữ âm-âm vị học tiếng Việt, vốn chưa có cách nhìn nhận thống nhất giữa các nhà nghiên cứu: cấu trúc âm tiết, đặc điểm ngữ âm và âm vị học của thanh điệu, giải thuyết âm vị học các vần có nguyên âm ngắn... Đồng thời tác giả của NÂTV đã hệ thống và đưa ra những nhận xét, đánh giá các ý kiến của các tác giả đi trước về các vấn đề liên quan. Cách làm này khiến công trình NÂTV vừa mang tính khoa học, chuyên sâu của một chuyên khảo, vừa mang tính sư phạm, hướng dẫn của một giáo trình.

2.4. NÂTV là công trình có giá trị khoa học cao. Có thể xem NÂTV là công trình cơ bản đầu tiên về ngữ âm tiếng Việt. Sau công trình này, trong mấy thập kỉ gần đây, nhờ sự tăng cường áp dụng các phương pháp ngữ âm thực nghiệm và phân tích tiếng nói bằng máy tính, việc nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt trong nước và ngoài nước đã đạt được những kết quả, thành tựu mới cả về lí thuyết và ứng dụng (chẳng hạn, các kết quả nghiên cứu trên bình diện âm học, cảm thụ, các hiện tượng ngôn điệu, lịch sử ngữ âm...). Tuy nhiên, cho đến nay, NÂTV vẫn là công trình cơ bản và cần thiết đối với việc nghiên cứu (lí thuyết và ứng dụng) và giảng dạy (đại học và trên đại học) về ngữ âm tiếng Việt. Do tính chất *cơ bản* và *sư phạm*, cho đến nay, công trình này vẫn là giáo trình chính về ngữ âm tiếng Việt giảng dạy trong các chuyên ngành ngành có liên quan đến ngữ âm học ở các trường đại học. Đồng thời, NÂTV còn là tài liệu hướng dẫn, tham khảo cho những ai nghiên cứu ngữ âm các ngôn ngữ cùng loại hình tiếng Việt, đặc biệt là các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Chính vì vậy, sau lần xuất bản thứ nhất (1977), NÂTV đã được tái bản vào các năm 1999, 2003, 2007, với lượng in lớn (1.000 bản).

2.5. NÂTV đánh dấu một bước phát triển mới trong nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt. Do vậy, các kết quả nghiên cứu, ý tưởng, luận điểm của NÂTV thường được trích dẫn trong các công trình liên quan đến ngữ

âm tiếng Việt ở trong nước và ngoài nước. Ở trong nước, NÂTV là tài liệu tham khảo chính đối với các sách chuyên khảo, giáo trình về ngữ âm tiếng Việt của Đinh Lê Thư & Nguyễn Văn Huệ, của Vương Hữu Lễ & Hoàng Dũng, sách về phương ngữ tiếng Việt của Hoàng Thị Châu (công trình được giải thưởng nhà nước năm 2005). Các tri thức về ngữ âm tiếng Việt được trình bày trong sách của tác giả Đoàn Thiện Thuật thường là dẫn liệu trong các chương về ngữ âm học trong các giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học, ngôn ngữ học đại cương. Sách NÂTV được dùng làm tài liệu tham khảo chính yếu trong các đề tài nghiên cứu, luận văn, luận án, bài báo, báo cáo khoa học có liên quan đến những vấn đề ngữ âm tiếng Việt của các tác giả trong nước suốt mấy thập kỉ gần đây.

Ở nước ngoài, sách NÂTV của GS. Đoàn Thiện Thuật thường xuyên được trích dẫn trong các sách, luận án, các bài báo, báo cáo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành ngữ âm học (*Journal of Phonetics, Phonetica, Journal of the Acoustical Society of America...*), tại Hội nghị khoa học quốc tế (Hội thảo quốc tế về ngôn ngữ học Đông Nam Á -SEAL, Hội thảo quốc tế về ngôn ngữ Hán Tạng - SST, Hội thảo quốc tế về ngôn ngữ Nam Á - AAL). Sau đây là một số công trình tiêu biểu:

Gordina M.V., I. S. Bystrov. 1984. Fonetitsheskij stroj v'ietnamskogo jazyka. Moskova : Nauka.

Vu Thanh Phuong.1981. The Acoustic and perceptual nature of tone in Vietnamese. Thesis for Doctor of Philosophy, ANU, June 1981.

Ngo Thanh Nhan (1984). The syllabeme and pattern of word formation in Vietnamese. Ph.D dissertation. New York University.

Earl M. A. 1995. An Acousticphonetic study of Northern Vietnamese tones. Sata Barbara: Speech Communications Research Laboratory, Inc.

Phạm Andrea Hoa (2001). Vietnamese Tone: Tone is not pitch. Linguistics. Toronto, University of Toronto.

Pham Andrea Hoa 2003. Vietnamese Tone: A new analysis . London/New York/Oslo/Singapore: Rouledge-Taylor and Francis.

Honda Koichi. 2008. Tone in the Lam River speech of North-Central Vietnamese-an acoustically – based multi-speaker description and analysis. A thesis of Doctor of Philosophy , Australian National University, 2008.

Nguyen T. and Ingram, J. C. 2006 . Acoustic and perceptual cues for compound - phrasal contrasts in Vietnamese, *Journal of the Acoustical Society of America*.

Nguyen T.A. T., Ingram, J., & Pensalfini, R. 2008 . Prosodic transfer in Vietnamese acquisition of English contrastive stress patterns. *Journal of Phonetics* 36 (2008) 158–190

Honda Koichi. 2004. F0 and phonation types in Nghe Tinh Vietnamese tones. SST. 2004.

Michaud, Alexis, 2004. Final consonants and glottalization: New perspectives from Hanoi Vietnamese. *Phonetica* 61:2-3, 119-146.

Tran Thi-Thuy-Hien and Nathalie Vallée - An Acoustic Study of the Segments in the Vietnamese Consonant Sequences 17 th Annual Meeting of the Southeast Asian Linguistics Societ August 31-September 2, 2007. University of Maryland, Maryland, USA.

Paanchiangwong Songgot. 2007. The Influence of Final Consonants on the Tones of Vietnamese Spoken in Udon Thani Province, Thailand. The 17 th Annual Meeting of the Southeast Asian Linguistics Societ August 31-September 2, 2007. University of Maryland, Maryland, USA.v.v..

3. Giá trị thực tiễn của NÂTV

3.1.Tác động thực tiễn của công trình

Những kết quả của NÂTV được áp dụng trong nghiên cứu ứng dụng ngữ âm tiếng Việt (ngữ âm học ứng dụng - Applied Phonetics), góp phần giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ngữ âm tiếng Việt.

i. Dạy và học ngữ âm tiếng Việt

Sách NÂTV là tài liệu tham khảo để biên soạn sách dạy tiếng Việt cho học sinh phổ thông, tài liệu dạy tiếng Việt cho người học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai (người nước ngoài, người dân tộc thiểu số).

ii. Ngữ âm bệnh học (Pathological Phonetics)

Những kiến thức về ngữ âm tiếng Việt được trình bày trong công trình của Đoàn Thiện Thuật được áp dụng trong nghiên cứu bệnh học ngữ âm tiếng Việt (đạy trẻ em câm điếc, trẻ em sau phẫu thuật vá môi, vá hàm ếch tập phát âm; chẩn đoán, điều trị, đánh giá kết quả điều trị các bệnh tổn thương thực thể và chức năng thanh quản (voice disorder), phục hồi tiếng nói cho người mất thanh quản...).

iii. Xử lí lời nói tiếng Việt trong công nghệ thông tin

Sách NÂTV cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết về ngữ âm tiếng Việt để giải quyết các vấn đề liên quan đến ngữ âm tiếng Việt trong công nghệ thông tin. Sách cung cấp các tri thức về cấu trúc âm tiết, hệ thống âm đầu, vần, thanh điệu tiếng Việt để người làm công nghệ giải các bài toán về tổng hợp, nhận dạng lời nói tiếng Việt, kiểm tra chính tả văn bản tiếng Việt. Mô hình 2 bậc cấu trúc âm tiết tiếng Việt do Đoàn Thiện Thuật đưa ra gợi ý cho 1 nhóm tác giả (khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Bách khoa Hà Nội) xây dựng chương trình kiểm tra chính tả dựa trên luật cấu tạo âm tiết tiếng Việt.

3.2. Tác động về khoa học của công trình

Công trình NÂTV của GS. Đoàn Thiện Thuật có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chuyên ngành ngôn ngữ học nói chung và ngữ âm học nói riêng ở nước ta. Ở Việt Nam, ngôn ngữ học lần đầu tiên được giảng dạy như một chuyên ngành khoa học trong các trường đại học vào những năm 1960-1970. GS. Đoàn Thiện Thuật là một trong những người đầu tiên tham gia xây dựng chuyên ngành ngôn ngữ học của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội). Sách NÂTV là một trong các công trình đặt nền móng cho việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ học (bao gồm ngữ âm học) nói chung và Việt ngữ học (bao gồm ngữ âm tiếng Việt) nói riêng.

TÁC GIẢ-TÁC PHẨM

DIỆP QUANG BAN VÀ CÂU TỒN TẠI

TRẦN ĐẠI NGHĨA
(TS, Viện Ngôn ngữ học)

1. Bạn đọc lưu ý cho: không có GS.TS trong tiêu đề bài. Ý của tiêu đề hàm là: Diệp Quang Ban và mối lương duyên với Câu tồn tại có sự tồn tại từ lâu trong quá khứ cách đây tới 30 năm rồi. Khi ấy ông chưa có hàm vị gì như bây giờ. Ấy là vào năm 1981, năm mà Diệp Quang Ban bảo vệ thành công luận án về câu tồn tại nhan đề “Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt ngày nay”. Và, tôi cho đến bây giờ vẫn còn giữ mãi ấn tượng khó phai mờ trước trí tuệ ngôn ngữ học Diệp Quang Ban ngày ấy.

2. Câu mang ý nghĩa tồn tại có mặt trong tất cả các ngôn ngữ. Ý nghĩa tồn tại được mã hoá trong một kiểu câu có cấu trúc đặc biệt riêng: CÂU TỒN TẠI.

Diệp Quang Ban đã thay mặt giới Việt ngữ học cú pháp Việt Nam đặt vấn đề rõ ràng về Câu tồn tại tiếng Việt.

3. Có hay không trong tiếng Việt câu tồn tại - với tư cách một kiểu câu? Khuôn hình của kiểu câu đó là thế nào? V.v. và v.v.

Những câu hỏi như vậy - nhất là ở cái thời Việt ngữ học ngày ấy - thì định ngữ “HÓC BÚA” viết hoa này đặt vào sau các câu hỏi ấy thật là đắc dụng đắc địa.

4. Nhà khoa học TRẺ khi ấy, đã tự mình “hứng” lấy cái HÓC BÚA đó. Ý tôi muốn ngụ vào chữ “HỨNG” này một niềm phấn khích đặc trưng kèm một tiếng “hừ” cảnh báo trước một thách thức...Quả nhiên, toàn văn luận án ấy đã vang dậy một giọng hào thực Diệp Quang Ban.

Cái hào thực của Luận án bộc lộ rõ cho thấy một nhà khoa học dày dặn bản lĩnh: bản lĩnh tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ và bản lĩnh ngoại ngữ. Ngoại ngữ khi ấy thịnh hành là tiếng Nga. Diệp Quang Ban viết:

“Tuy nhiên không phải mọi động từ mà thành tố nghĩa “tạo ra vật” đều không thể là động từ lưu kết quả. Đó là trường hợp của động từ “làm” trong câu sau đây:

Nhà làm giữa vườn